

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: **322/2022/DSST**
Ngày 09 tháng 12 năm 2022
V/v: Tranh chấp chia thừa kế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Đỗ Thị Sỹ Long**

2. Ông **Phạm Bá Xuân**

Thư ký phiên tòa: Bà **Cao Thị Thanh Huyền**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa.

Bà **Bùi Mai Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 168/2022/TL - DSST ngày 06 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp chia thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2022/DSST ngày 12 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 319/2022/QĐST-HPT ngày 22 tháng 11 năm 2022 giữa:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng V**, sinh năm 1950; Địa chỉ: Số 06 T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; (0988816781); Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Phạm Đức T**, sinh năm 1981, căn cước công dân: 033081004465 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/02/2019 và chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1995, căn cước công dân: 001195006131 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/5/2020 theo giấy ủy quyền ngày 14/7/2022.

* Bị đơn: Chị **Bùi Việt N**, sinh năm 1989 và chị **Bùi Phương T**, sinh năm 1999, (0987207889); Người đại diện theo ủy quyền: bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1965, căn cước công dân: 040165013760 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/5/2021; Cùng địa chỉ: số 18, ngách 158/169 N, phường N, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội theo giấy ủy quyền ngày 01/8/2022.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Bùi Thị Khánh G**, sinh năm 1981; anh **Bùi Khánh D**, sinh năm 1976; chị **Đinh Thị Thu H**, sinh năm 1974; anh **Bùi Khánh M**, sinh năm 1996; anh **Bùi Khánh H**, sinh năm 1999, Cùng địa chỉ: Số 6 phố T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

- Bà **Bùi Thị Thanh A**, sinh năm 1954, Địa chỉ: Số 42 phố Hàng Vôi, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. (0913247747)

- Bà **Bùi Thị Thanh H**, sinh năm 1960, Địa chỉ: B6 – G043 – DDN1, Khu nhà ở 15 – 17 Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. (0904260079)

(Bà Nguyễn Thị L, ông Phạm Đức T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt; bà Nguyễn Thị H đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt không có lý do lần thứ 3; chị Bùi Thị Khánh G, anh Bùi Khánh D; chị Đinh Thị Thu H, anh Bùi Khánh M, anh Bùi Khánh H, đại diện theo ủy quyền của chị G; anh D; bà A; bà H, ông Tạ Văn T, bà Bùi Thị Thanh A, bà Bùi Thị Thanh H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 4 năm 2022; Đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 15 tháng 7 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Người đại diện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và ông Phạm Đức T thống nhất trình bày:*

Tôi là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, tại phiên tòa hôm nay tôi vẫn giữ nguyên quan điểm theo đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như tại các buổi hòa giải đã gửi tới Tòa án cụ thể.

Ông Bùi Đình Sinh, sinh năm 1950, chết ngày 11/01/2002, trước khi chết không để lại di chúc.

Bồ đề của ông Bùi Đình Sinh đã chết trước ông Bùi Đình Sinh từ lâu.

Mẹ đẻ ông Bùi Đình Sinh là cụ Phạm Thị Châu đã chết năm 2006, chết sau ông Bùi Đình Sinh. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phạm Thị Châu gồm:

- Bồ đề và mẹ đẻ cụ Phạm Thị Châu đều đã chết trước cụ Phạm Thị Châu từ lâu.
- Chồng cụ Phạm Thị Châu đã chết trước cụ Phạm Thị Châu từ lâu;
- Cụ Phạm Thị Châu có 5 người con là: ông Bùi Đình Sinh (chết năm 2002), ông Bùi Trung Sơn (chết năm 2003), ông Bùi Đình Ngọc (chết năm 2013), bà Bùi Thị Thanh A và bà Bùi Thị Thanh H.

Trong đó:

- Ông Bùi Đình Sinh chết trước cụ Phạm Thị Châu. Ông Bùi Đình Sinh có hai người con là: chị Bùi Thị Khánh G và anh Bùi Khánh D;

- Ông Bùi Trung Sơn chết trước cụ Phạm Thị Châu. Ông Sơn có hai người con là: chị Bùi Việt N và chị Bùi Phương T;

- Ông Bùi Đình Ngọc chết sau cụ Phạm Thị Châu. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Ngọc gồm:

- + Bố đẻ ông Bùi Đình Ngọc, đã chết trước ông Ngọc từ lâu;
- + Mẹ đẻ ông Bùi Đình Ngọc là cụ Phạm Thị Châu, đã chết 2006;
- + Vợ ông Bùi Đình Ngọc là: bà Đinh Thị Thu H;
- + Con ông Bùi Đình Ngọc là: anh Bùi Khánh M và anh Bùi Khánh H.
- Vợ của ông Bùi Đình Sinh: bà Nguyễn Thị Hồng V.

Hiện nay, toàn bộ những người được hưởng di sản thừa kế (trừ bị đơn là chị Bùi Việt N và chị Bùi Phương T) đều thống nhất tặng lại cho bà V (vợ ông Sinh) toàn bộ di sản thừa kế của ông Bùi Đình Sinh.

Nhận thấy, hiện nay các đồng thừa kế không thống nhất được việc thỏa thuận để tự phân chia di sản và làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế của ông Bùi Đình Sinh. Nay bà V nộp khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với tài sản mà ông Nguyễn Đình Sinh để lại; Nguyên đơn đề nghị chia thừa kế theo pháp luật đối với một phần hai (1/2) hai tài sản tại địa chỉ: tổ 2 Thượng Thanh, quận Long Biên và tại địa chỉ: số 12 ngõ 58 Tạ Quang Bửu, tổ 45 phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng.

Đối với phần trình bày của bị đơn do bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ và đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại những buổi hòa giải và làm việc tại Tòa án; Đề nghị chia di sản tại địa chỉ: số 6 phố T, phường L, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Nguyên đơn cho rằng tài sản nhà đất này đã có lập di chúc, được công chứng và hiện nay cũng đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ trên cho người được hưởng thừa kế. Do đó, đề nghị không đưa khối tài sản này vào chia thừa kế.

Nguyên đơn, có đề nghị hỗ trợ cho hai cháu N, cháu T mỗi cháu 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, để các cháu ký vào biên bản từ chối nhận di sản thừa kế của hai nhà đất tại địa chỉ: tổ 2 Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội và tại địa chỉ: số 12 ngõ 58 Tạ Quang Bửu, tổ 45 phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Nhưng phía các cháu không đồng ý nên nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

*** Bị đơn** – đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày trong biên bản ghi lời khai và những lần hòa giải tại Tòa án, Tòa án ghi nhận lời khai của bà: Đề nghị đưa thêm ngôi nhà tại địa chỉ số 6 phố T, phường L, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; Là ngôi nhà của cụ Phạm Thị

Châu. Hiện nay, ngôi nhà do con dâu của cụ Châu (bà V, bà Hằng) là người đang trực tiếp quản lý và đang cho thuê.

Tôi xác nhận cháu N đã nhận 2 cây vàng (20 chỉ) và cháu T đã nhận 1 cây vàng (10 chỉ) sau khi nhận vàng từ gia đình nhà nội, cháu N đưa lại cho tôi. Số vàng này nhận vào khoảng năm 2008.

Với ngôi nhà tại địa chỉ: tổ 2 Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội; địa chỉ: số 12 ngõ 58 Tạ Quang Bửu, tổ 45 phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xin chia theo pháp luật.

Với ngôi nhà tại địa chỉ: số 6 phố T. Tôi đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp bản công chứng di chúc trên tại buổi hòa giải lần trước, nhưng tới phiên hòa giải tiếp theo tôi vẫn chưa nhận được bản di chúc đã yêu cầu.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có ý kiến với việc nguyên đơn đưa ra thông tin hỗ trợ mỗi cháu 100.000.000 đồng để các cháu ký vào biên bản từ chối nhận di sản thừa kế của hai nhà đất tại địa chỉ: tổ 2 Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội; địa chỉ: số 12 ngõ 58 Tạ Quang Bửu, tổ 45 phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Tôi có yêu cầu phải hỗ trợ cho hai cháu N, T mỗi cháu 600.000.000 (sáu trăm triệu) đồng thì bị đơn mới có thể hòa giải. Khi không đạt được hòa giải thì bị đơn đề nghị phải đưa cả nhà tại số 6 phố T để chia thừa kế.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** chị Bùi Thị Khánh G trình bày trong bản tự khai và những lần hòa giải tại Tòa án, Tòa án ghi nhận lời khai của chị: Đối với nhà tại số 6 phố T hiện giờ có bà V, bà Hằng đang sinh sống trực tiếp tại đây và có một phần cho thuê.

Tôi không có ý kiến gì với những nội dung mà các bên đã trình bày ở trên. Bản thân cũng đã có đơn yêu cầu độc lập gửi tới Tòa án, và xin giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong đơn này.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm:***

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, cụ thể:

- Về thẩm quyền: Theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ: Nguyên đơn do anh Phạm Đức T, chị Nguyễn Thị L đại diện theo ủy quyền yêu cầu chia thừa kế tài sản là nhà đất chia thừa kế theo pháp luật đối với một phần hai (1/2) hai tài sản tại địa chỉ: tổ 2 Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội và tại địa chỉ: số 12 ngõ 58 Tạ Quang Bửu, tổ 45 phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Bị đơn chị Bùi Việt N và chị Bùi Phương T cùng địa

chỉ: số 18, ngách 158/169 N, phường N, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Như vậy, việc Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách các đương sự: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tư cách người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tòa án tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương 14 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi về phiên tòa sơ thẩm:

- + Chấp hành đúng theo các nguyên tắc cơ bản về xét xử và thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- + Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án:

- Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong việc nộp đơn khởi kiện, cung cấp tài liệu chứng cứ, nộp tạm ứng án phí và trình bày yêu cầu của mình. Chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, Điều 72, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế là nhà đất tại địa chỉ: tổ 2 Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội và tại địa chỉ: số 12 ngõ 58 Tạ Quang Bửu, tổ 45 phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội là di sản thừa kế của ông Bùi Đình Sinh cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất còn lại tại thời điểm mở thừa kế bao gồm: Bà **Nguyễn Thị Hồng V**, sinh năm 1950; Chị **Bùi Việt N**, sinh năm 1989 và chị **Bùi Phương T**, sinh năm 1999; Chị **Bùi Thị Khánh G**, sinh năm 1981; anh **Bùi Khánh D**, sinh năm 1976; chị **Đinh Thị Thu H**, sinh năm 1974; anh **Bùi Khánh M**, sinh năm 1996; anh **Bùi Khánh H**, sinh năm 1999; Bà **Bùi Thị Thanh A**, sinh năm 1954; bà **Bùi Thị Thanh H**, sinh năm 1960 theo quy định của pháp luật.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Bùi Thị Khánh G về phần tài sản thuộc kỹ phần thừa kế của bố chị (ông Bùi Đình Sinh để lại) và được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí đối với giá trị tài sản mà mình được phân chia theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế nhà đất tại địa chỉ chia di sản thừa kế là nhà đất tại một phần hai (1/2) hai tài sản tại địa chỉ: tổ 2 Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội và tại địa chỉ: số 12 ngõ 58 Tạ Quang Bửu, tổ 45 phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội là di sản thừa kế của ông Bùi Đình Sinh. Hội đồng xét xử nhận thấy, đây là tranh chấp chia thừa kế được quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn chị **Bùi Việt N** và chị **Bùi Phương T** cùng địa chỉ: số 18, ngách 158/169 N, phường N, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Do vậy, nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đến Tòa án nhân dân quận Ba Đình. Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Về thời hiệu người thừa kế yêu cầu chia di sản: Ông Bùi Đình Sinh, sinh năm 1950, chết ngày 11/01/2002. Căn cứ theo Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì *“Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản”*. Tại phần 1 Giải đáp 01/GĐ-TANDTC năm 2018 có quy định đối với trường hợp thừa kế mở trước ngày 10/9/1990 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế, cụ thể là thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990. Căn cứ Điều 611 Bộ luật dân sự năm 2015, ông Bùi Đình Sinh, sinh năm 1950, chết ngày 11/01/2002 không để lại di chúc. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định ngày 11 tháng 01 năm 2002 là ngày mở thừa kế. Ngày 14 tháng 4 năm 2022, nguyên đơn có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân quận Ba Đình và ngày 15 tháng 07 năm 2022 nguyên đơn có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu khởi kiện về việc chia di sản thừa kế của ông Bùi Đình Sinh nên yêu cầu của nguyên đơn còn thời hiệu khởi kiện.

Về sự vắng mặt của bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Bùi Việt N, chị Bùi Phương T, bà Nguyễn Thị H đại diện theo ủy quyền của bị đơn; chị Bùi Thị Khánh G; anh Bùi Khánh D; chị Đinh Thị Thu H; anh Bùi Khánh M; anh

Bùi Khánh H; bà Bùi Thị Thanh A; Đại diện theo ủy quyền của chị G; anh D; bà A; bà H, ông Tạ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ 3 nhưng bị đơn và người đại diện theo ủy quyền vắng mặt không có lý do và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và trong quá trình tố tụng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị Khánh G có yêu cầu độc lập đã được Tòa án thụ lý; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét.

[2] Về nội dung: Về nguồn gốc đất tại tổ 2, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 910685, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 8246/QĐ-UBND-3311 do UBND quận Long Biên, cấp ngày 04/11/2014 đứng tên bà Nguyễn Thị Hồng V (là người đại diện những người thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Bùi Đình Sinh); số 12 ngõ 58 Tạ Quang Bửu, tổ 45 phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 743383, mã số 10107274570, Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 172.BM.2005/179.2005.QĐUB do UBND quận Hai Bà Trưng, cấp ngày 09/12/2005 đứng tên bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Bùi Đình Sinh (đã chết).

Theo tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã xác định ông Bùi Đình Sinh và bà Nguyễn Thị Hồng V là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 01 năm 1976 tại UBND thị xã Bắc Giang, tỉnh Hà Bắc. Nhận thấy tài sản mà nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế là tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Sinh và bà V; Xác định là tài sản chung của vợ chồng cùng tôn tạo.

Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tại địa chỉ: tổ 2 Thượng Thanh, quận Long Biên và tại địa chỉ: số 12 ngõ 58 Tạ Quang Bửu, tổ 45 phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng; Theo tài liệu do phòng đăng ký đất đai Hà Nội – chi nhánh quận Long Biên cung cấp tại Biên bản xét duyệt để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có ghi rõ về nguồn gốc đất: “là đất của Nhà máy xe lửa Gia Lâm được nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất. Nhà máy xe lửa Gia Lâm tự chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở và phân phối cho cán bộ công nhân viên trước 15/10/1993, trong đó có gia đình ông Bùi Đình Sinh (chồng bà V – đã chết năm 2002); DT = 80m² theo QĐ 291/NM. Gia đình bà V đã đưa đất sử dụng vào mục đích

đất ở từ năm 1989. Hiện trạng sử dụng 149,7m², tăng 69,7m² do tự sử dụng phần đất liền kề để ở từ sau 15/10/1993 và trước 01/7/2004”. Với nhà đất tại số 12 ngõ 58 Tạ Quang Bửu, tổ 45 phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng; Dù chưa nhận được công văn trả lời của văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội – chi nhánh Hai Bà Trưng, song trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã ghi rõ chủ sở hữu là ông Bùi Đình Sinh (đã chết) và bà Nguyễn Thị Hồng V. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định nhà đất tại địa chỉ: tổ 2 Thượng Thanh, quận Long Biên và đất tại địa chỉ: số 12 ngõ 58 Tạ Quang Bửu, tổ 45 phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, là tài sản chung của vợ chồng ông Bùi Đình Sinh và bà Nguyễn Thị Hồng V;

Cụ Phạm Thị Châu (chết năm 2006) và cụ Bùi Khánh Cường đã mất không để lại di chúc. Hai cụ có năm người con là: ông Bùi Đình Sinh (chết năm 2002 chết trước cụ Châu), ông Bùi Trung Sơn (chết năm 2003 chết trước cụ Châu), ông Bùi Đình Ngọc (chết năm 2013). Do cụ Châu chết năm 2006 sau khi ông sinh chết năm 2002; Do đó đối với phần tài sản chung của hai vợ chồng ông Sinh tại hai địa chỉ trên, cụ Châu cũng được xác định là người hưởng di sản thừa kế theo hàng thứ kế thứ nhất của ông Sinh. Tại thời điểm nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án chia thừa kế theo pháp luật, cụ Châu đã chết nên đối với phần di sản mà cụ được hưởng sẽ được chia cho các đồng thừa kế là bà Bùi Thị Thanh An, bà Bùi Thị Thanh H; chị Bùi Thị Khánh G, anh Bùi Khánh D; chị Bùi Việt N và chị Bùi Phương T; bà Đinh Thị Thu H, anh Bùi Khánh M và anh Bùi Khánh H. Theo thông tin nguyên đơn cung cấp, các đồng thừa kế (trừ bị đơn là chị Bùi Việt N và chị Bùi Phương T) đều thống nhất tặng lại cho bà V toàn bộ di sản thừa kế của ông Bùi Đình Sinh.

Tài sản tại địa chỉ: tổ 2, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 910685, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 8246/QĐ-UBND-3311 do UBND quận Long Biên, cấp ngày 04/11/2014 đứng tên bà Nguyễn Thị Hồng V (là người đại diện những người thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Bùi Đình Sinh); Về nguồn gốc đất được ghi nhận tại phòng đăng ký đất đai Hà Nội – Chi nhánh quận Long Biên đã xác nhận đây là đất của nhà máy xe lửa Gia Lâm cấp cho gia đình ông Bùi Đình Sinh, với diện tích 80m² ban đầu và diện tích tăng thêm là 69,7m². Nhận định đây là tài sản chung của vợ chồng ông Sinh và bà V. Ông Sinh chết không để lại di chúc, gia đình cũng đã có biên bản họp gia đình ngày 10 tháng 7 năm 2004 tại trụ sở UBND phường Thượng Thanh theo đó các thành viên trong gia đình thống nhất để bà V đứng tên với 42,23m² của thửa đất tại địa chỉ trên.

Đối với nhà đất tại số 12 ngõ 58 Tạ Quang Bửu, tổ 45 phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 743383, mã số 10107274570, Số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

172.BM.2005/179.2005.QĐUB do UBND quận Hai Bà Trưng, cấp ngày 09/12/2005 đứng tên bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Bùi Đình Sinh (đã chết). Ông Sinh và bà V là vợ chồng hợp pháp theo đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 01 năm 1976 tại UBND thị xã Bắc Giang, tỉnh Hà Bắc. Nên nhận định đây là tài sản chung của hai vợ trong thời kỳ hôn nhân. Về nguồn gốc đất được qua thông tin và tài liệu thu thập được có thể xác định đất là đất của ông Bùi Đình Sinh và bà Nguyễn Thị Hồng V.

[3] Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định những người được hưởng thừa kế đối với di sản thừa kế của ông Bùi Đình Sinh tại tổ 2, phường Thượng Thanh, quận Long Biên; Đối với nhà đất tại số 12 ngõ 58 Tạ Quang Bửu, tổ 45 phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng. Xác định hàng thừa kế thứ nhất gồm: bà Nguyễn Thị Hồng V, chị Bùi Thị Khánh G, anh Bùi Khánh D, cụ Phạm Thị Châu (Do cụ Châu đã chết năm 2006 nên kỷ phần mà cụ Châu được nhận sẽ được chia cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ là: bà Bùi Thị ThanhAn, bà Bùi Thị Thanh H; chị Bùi Thị Khánh G, anh Bùi Khánh D; chị Bùi Việt N và chị Bùi Phương T; bà Đinh Thị Thu H, anh Bùi Khánh M và anh Bùi Khánh H). Do đây là tài sản chung của hai vợ chồng ông Sinh và bà V. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận và phân chia cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị Hồng V hưởng $\frac{1}{2}$ diện tích đất do là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân tương đương: 74,85 m²;

- Đối với $\frac{1}{2}$ diện tích đất còn lại là phần di sản thuộc sở hữu của ông Bùi Đình Sinh sẽ được chia cho hàng thừa kế của ông Sinh gồm: bà Nguyễn Thị Hồng V, chị Bùi Thị Khánh G, anh Bùi Khánh D; Và cụ Phạm Thị Châu mỗi người được hưởng $\frac{1}{4}$ di sản thừa kế tương đương: 18,71m².

Cụ Phạm Thị Châu (đã chết năm 2006 nên kỷ phần mà cụ được nhận sẽ được chia cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ là: bà Bùi Thị Thanh A, bà Bùi Thị Thanh H; bà Nguyễn Thị Hồng V; chị Bùi Thị Khánh G, anh Bùi Khánh D; chị Bùi Việt N và chị Bùi Phương T; bà Đinh Thị Thu H, anh Bùi Khánh M và anh Bùi Khánh H) mỗi người được hưởng $\frac{1}{20}$ di sản thừa kế tương đương: 3,74m².

Như vậy bà Nguyễn Thị Hồng V được hưởng tổng di sản tương đương 93,56m²;

Chị Bùi Thị Khánh G và anh Bùi Khánh D được hưởng tổng di sản tương đương 22,46 m²;

Những đồng thừa kế khác của cụ Châu gồm bà Bùi Thị Thanh A, bà Bùi Thị Thanh H; chị Bùi Việt N và chị Bùi Phương T; bà Đinh Thị Thu H, anh Bùi Khánh M và anh Bùi Khánh H mỗi người hưởng khối di sản tương đương 3,74m².

Đối với di sản thừa kế tại địa chỉ: số 12 ngõ 58 Tạ Quang Bửu, tổ 45 phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Áp dụng theo kỷ phần di sản được hưởng của những đồng thừa kế như sau:

Bà Nguyễn Thị Hồng V được hưởng tổng di sản tương đương 13,69m²;

Chị Bùi Thị Khánh G và anh Bùi Khánh D được hưởng tổng di sản tương đương 3,29 m²;

Những đồng thừa kế khác của cụ Châu gồm bà Bùi Thị Thanh A, bà Bùi Thị Thanh H; chị Bùi Việt N và chị Bùi Phương T; bà Đinh Thị Thu H, anh Bùi Khánh M và anh Bùi Khánh H mỗi người hưởng khối di sản tương đương 0,55m².

Do di sản thừa kế sau khi chia cho những người thừa kế bằng hiện vật có diện tích quá nhỏ không đủ để tách thửa và làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như không dùng để sử dụng được. Vì vậy, phải chia di sản thừa kế nêu trên bằng giá trị (tiền) để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, cụ thể như sau:

Căn cứ theo kết quả định giá của Công ty cổ phần tư vấn quy hoạch và thẩm định giá SBA xác định giá trị nhà đất tại số 12 ngõ 58 Tạ Quang Bửu, tổ 45 phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng; và nhà đất tại địa chỉ tổ 2, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội với tổng giá trị 8.796.633.973 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế là bà Bùi Thị Thanh A, bà Bùi Thị Thanh H; bà Đinh Thị Thu H, chị Bùi Thị Khánh G, anh Bùi Khánh D, anh Bùi Khánh M và anh Bùi Khánh H đồng ý giao lại phần di sản thừa kế cho bà V quản lý sử dụng và không có yêu cầu gì khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cho bà V được quản lý, sử dụng nhà đất tại số 12 ngõ 58 Tạ Quang Bửu, tổ 45 phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng và nhà đất tại địa chỉ Tổ 2, phường Thượng Thanh, quận Long Biên với tổng giá trị 8.796.633.973 đồng.

Bà Nguyễn Thị Hồng V có trách nhiệm thanh toán bằng tiền cho các đồng thừa kế khác là chị Bùi Phương T và chị Bùi Việt N, tương đương với kỷ phần mà hai chị được nhận.

- Bà V có trách nhiệm thanh toán cho chị Bùi Phương T và chị Bùi Việt N mỗi người số tiền: 109.957.925 đồng;

Đối với nhà đất tại địa chỉ tổ 2, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, đã được xây dựng và tôn tạo lại có sự gia tăng về diện tích so với việc cấp phép ban đầu; Và nhà đất tại số 12 ngõ 58 Tạ Quang Bửu, tổ 45 phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, đang do mẹ con bà Nguyễn Thị Hồng V và anh Bùi Khánh D cùng quản lý, sử dụng và tôn tạo. Nhưng các bên đương sự đã được yêu cầu cung cấp tài liệu liên quan tới việc xác định giá trị gia tăng diện tích đất, giá trị xây dựng là do ai chi trả, các khoản tiền thuế phát sinh trong quá trình xin cấp phép giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất ban đầu; Tiền thuế đất hàng năm.... Song tới phiên xét xử, các bên đều chưa xác định và cung cấp được. Do đó, Hội đồng xét xử quy định không xét giá trị xây dựng của ngôi nhà cũng như không chấp nhận yêu cầu

chia thừa kế với $\frac{1}{2}$ diện tích nhà đất trên. Về tài liệu liên quan tới tiền nộp thuế đất tại hai địa chỉ chia thừa kế có các biên lai do bà V đứng tên trên biên lai, nhưng đều là các biên lai photo không có bản chính đối chiếu, không có hóa đơn chứng minh việc bà V đã phải nộp một khoản tiền để xin cấp phép giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất ban đầu đối với hai diện tích trên. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận tài liệu do đương sự cung cấp và không khấu trừ tiền nộp thuế đất cho bà Nguyễn Thị Hồng V.

Hội đồng xét xử giao cho bà V được quản lý, sử dụng nhà đất tại tổ 2, phường Thượng Thanh, quận Long Biên; Và tại số 12 ngõ 58 Tạ Quang Bửu, tổ 45 phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng. Bà V có trách nhiệm thanh toán bằng tiền cho các đồng thừa kế khác là cho chị Bùi Phương T và chị Bùi Việt N mỗi người số tiền: 109.957.925 đồng;

Do cả hai khối di sản trên đều do bà Nguyễn Thị Hồng V và con trai là anh Bùi Khánh D là người trực tiếp quản lý, tôn tạo và xây dựng cho tới thời điểm xét xử. Nên Hội đồng xét xử, xét thấy cần có một kỷ phần cho công lao tôn tạo và quản lý của hai mẹ con; tương đương với 15%/1 phần kỷ phần mà các đồng thừa kế được nhận, là: 16.493.688 đồng.

Như vậy, bà Nguyễn Thị Hồng V có trách nhiệm thanh toán bằng tiền cho các đồng thừa kế khác là cho chị Bùi Phương T và chị Bùi Việt N mỗi người số tiền, sau khi đã trừ đi công sức quản lý khối di sản là: 93.464.237 đồng;

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản tranh chấp nguyên đơn tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Bùi Thị Khánh G về nội dung đảm bảo quyền hưởng di sản thừa kế với kỷ phần mà ông Bùi Đình Sinh được hưởng để chia cho các hàng thừa kế thứ nhất của ông Sinh.

Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà V được miễn án phí sơ thẩm; buộc các đương sự phải chịu án phí đối với trị giá tài sản mà mình được phân chia theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

- Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

- Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 652, 653, 654, 656 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 611, 612, 613, 616, 618, 620, 623, 649, 650, 651, 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 5, 125, 166, 167 và Điều 170 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Giải đáp 01/GĐ-TANDTC năm 2018; Điều 36 của Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình; Điều 16, Điều 29 của Luật Hôn nhân và gia đình 1959;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng V chia di sản thừa kế của ông Bùi Đình Sinh theo pháp luật;

Chấp nhận yêu cầu độc lập của chị Bùi Thị Khánh G, bảo đảm quyền được hưởng di sản thừa kế của bố chị ông Bùi Đình Sinh.

Xác định di sản thừa kế của ông Bùi Đình Sinh để lại là nhà đất tại số 12 ngõ 58 Tạ Quang Bửu, tổ 45 phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; Và nhà đất tại tổ 2, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Hai khối di sản là tài sản chung của hai vợ chồng ông Bùi Đình Sinh và bà Nguyễn Thị Hồng V, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

2. Thời điểm mở thừa kế của ông Bùi Đình Sinh là ngày 11 tháng 01 năm 2002;

3. Xác định hàng thừa kế của ông Bùi Đình Sinh gồm: Bà Nguyễn Thị Hồng V, chị Bùi Thị Khánh G, anh Bùi Khánh D và cụ Phạm Thị Châu (Do cụ Châu đã chết năm 2006 nên kỷ phần mà cụ Châu được nhận sẽ được chia cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ là: bà Bùi Thị Thanh A, bà Bùi Thị Thanh H; bà Nguyễn Thị Hồng V; chị Bùi Thị Khánh G, anh

Bùi Khánh D; chị Bùi Việt N và chị Bùi Phương T; bà Đinh Thị Thu H, anh Bùi Khánh M và anh Bùi Khánh H).

4. Di sản thừa kế được chia như sau:

Giao bà Nguyễn Thị Hồng V quản lý toàn bộ diện tích nhà đất tại số 12 ngõ 58 Tạ Quang Bửu, tổ 45 phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 743383, mã số 10107274570, Sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 172.BM.2005/179.2005.QĐUB do UBND quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cấp ngày 09/12/2005 đứng tên bà Nguyễn Thị Hồng V và ông Bùi Đình Sinh (đã chết); Và nhà đất tại tổ 2, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 910685, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 8246/QĐ-UBND-3311 do UBND quận Long Biên, thành phố Hà Nội cấp ngày 04/11/2014 đứng tên bà Nguyễn Thị Hồng V (là người đại diện những người thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Bùi Đình Sinh).

Bà Nguyễn Thị Hồng V phải thanh toán cho các hàng thừa kế cụ thể như sau:

Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế là bà Bùi Thị Thanh A; bà Bùi Thị Thanh H; bà Đinh Thị Thu H, chị Bùi Thị Khánh G, anh Bùi Khánh D, anh Bùi Khánh M và anh Bùi Khánh H đồng ý giao lại phần di sản thừa kế cho bà Nguyễn Thị Hồng V quản lý sử dụng và không có yêu cầu gì khác.

Bà Nguyễn Thị Hồng V, anh Bùi Khánh D được hưởng số tiền 15%/1 phần kỷ phần các đồng thừa kế được nhận, là: 16.493.688 đồng cho công sức quản lý, tôn tạo và xây dựng hai khối di sản của ông Bùi Đình Sinh để lại;

Bà Nguyễn Thị Hồng V có trách nhiệm thanh toán bằng tiền cho các đồng thừa kế khác là chị Bùi Phương T và chị Bùi Việt N mỗi người số tiền, sau khi đã trừ đi công sức quản lý khối di sản là: 93.464.237 đồng;

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để hoàn thiện thủ tục đăng ký biến động đất đai theo quy định của pháp luật.

3. Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Hồng V được miễn án phí sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 (ba triệu) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án

phí số 0002055 ngày 06 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Chị Bùi Thị Khánh G tự nguyện chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí sơ thẩm tiền tạm ứng án phí cho yêu cầu độc lập đã nộp theo biên lai thu số 0002242 ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Chị Bùi Việt N, chị Bùi Phương T mỗi người phải nộp: 4.673.212 (*bốn triệu, sáu trăm bảy mươi ba nghìn, hai trăm mười hai*) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày 09 tháng 12 năm 2022; Bị đơn; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;
- Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(**đã ký**)

Nguyễn Ngọc Long